

Số: /BC-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2024

## BÁO CÁO

### **Khái quát kết quả đạt được; một số đề xuất kiến nghị trong tổ chức thực hiện 03 Nghị quyết về kinh tế của Hội nghị Trung ương 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII<sup>1</sup>**

*(Báo cáo phục vụ Đoàn công tác của Ban Kinh tế Trung ương khảo sát tại tỉnh Bắc Giang)*

Thực hiện Công văn số 4477-CV/BKTTW ngày 29/3/2024 của Ban Kinh tế Trung ương về việc tổ chức Đoàn công tác đến làm việc và khảo sát tại tỉnh Bắc Giang nhằm phục vụ xây dựng các đề án sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết về kinh tế của Hội nghị Trung ương 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII, UBND tỉnh Bắc Giang trân trọng báo cáo một số kết quả đạt được như sau:

#### **I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các Nghị quyết về kinh tế của Hội nghị Trung ương 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII (Nghị quyết số 10; 11; 12 NQ/TW) của tỉnh Bắc Giang**

##### **1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, học tập, quán triệt các Nghị quyết**

Ngay khi các Nghị quyết số 10; 11; 12-NQ/TW được Trung ương ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, chất lượng và có hiệu quả, thông qua Hội nghị trực tuyến trong toàn Đảng bộ tỉnh với 243 điểm cầu trực tuyến, gồm 01 điểm cầu tỉnh, 10/10 điểm cầu huyện, thành phố, thị xã, 230/230 điểm cầu xã, phường, thị trấn và 02 điểm cầu của các chi, đảng bộ cơ sở; tỷ lệ đại biểu tham dự đạt 99,6%<sup>2</sup>. Đồng thời, để phục vụ cho việc học tập, quán triệt ở cơ sở đối với cán bộ đảng viên không tham dự trực tuyến, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã ghi lại và in sao các đĩa CD (đĩa tiếng), sưu tầm bản điện tử đề cương bài giảng về nội dung truyền đạt Nghị quyết tại Hội nghị trực tuyến của báo cáo viên Trung ương gửi đến các địa phương, đơn vị để tổ chức phổ biến, tuyên truyền sâu rộng tới cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh.

Ngoài ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã quan tâm chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền, phổ biến các Nghị quyết trên thông qua nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Hội nghị báo cáo viên hằng tháng, hội nghị thông tin thời sự quý, qua Internet và mạng xã hội như Zalo, Facebook... đăng tải các

<sup>1</sup> Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 12-NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước.

<sup>2</sup> Gồm 01 điểm cầu tỉnh; 10/10 điểm cầu huyện, thành phố; 230/230 điểm cầu xã, phường, thị trấn và 02 điểm cầu của các chi, đảng bộ cơ sở.

thông tin, kết quả thực hiện Nghị quyết qua trang thông tin điện tử của các ngành, địa phương và hệ thống cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh, cơ quan báo chí ở Trung ương thường trú tại tỉnh để tuyên truyền truyền rộng rãi đến cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên, nhân dân trong tỉnh<sup>3</sup>. Thông qua công tác tuyên truyền, quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện; nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh về các Nghị quyết trên được nâng lên. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân yên tâm, phấn khởi, tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới, vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của chính quyền, tin tưởng vào những chủ trương, chính sách về khuyến khích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

## **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện các Nghị quyết**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã ban hành Kế hoạch số 36-KH/TU ngày 02/8/2017 để triển khai thực hiện các Nghị quyết số 10; 11; 12 NQ/TW; UBND tỉnh, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ các nội dung Nghị quyết và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cụ thể hóa từng nhiệm vụ cụ thể, phân công rõ trách nhiệm triển khai và thời gian hoàn thành cho từng ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị. Các sở, ban ngành, địa phương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị, địa phương tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tới cán bộ, công chức, người lao động và xây dựng nội dung thực hiện nhiệm vụ.

## **II. Kết quả đạt được trong thực hiện các mục tiêu chủ yếu của các Nghị quyết của Trung ương**

### **1. Một số kết quả nổi bật đạt được**

#### **1.1. Kết quả nổi bật trong thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW**

Quán triệt tinh thần của Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm đối tượng phục vụ, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh, lãnh đạo các cấp, các ngành của tỉnh Bắc Giang đã thể hiện sự năng động, sáng tạo, cải tiến phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm hiệu lực, hiệu quả; tăng cường sự phối hợp và chủ động đề xuất, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách để đẩy mạnh thu hút đầu tư, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khởi sự và phát triển. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị đã quán triệt, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế tư nhân; chú trọng lựa chọn, bố trí cán bộ có năng lực, tâm huyết, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến các doanh nghiệp, nhà đầu tư; luôn luôn lắng nghe và kịp

<sup>3</sup> Từ tháng 7/2017 đến nay, Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền tỉnh đã mở nhiều chuyên trang, chuyên mục, tuyên truyền đậm nét về những kết quả trong tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 10; 11; 12 - NQ/TW. Ngoài ra, còn nhiều tin, bài được đăng trên trang thông tin điện tử của các ngành, địa phương trong tỉnh, Báo Bắc Giang điện tử, Đài truyền thanh huyện, thành phố và cơ sở... Trung bình hàng tháng phát sóng trên 100 tin, phóng sự, phỏng vấn trong các chương trình thời sự hàng ngày có nội dung tuyên truyền về nội dung của các Nghị quyết trên, công tác xây dựng cơ chế, chính sách kêu gọi thu hút đầu tư; công tác lập và triển khai quy hoạch tỉnh Bắc Giang, việc thực hiện các chỉ số thành phần PCI, DDCI, SIPAS.



thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; tạo mọi điều kiện để khuyến khích phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

Nhờ không ngừng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, giai đoạn từ 2017 đến nay, khu vực kinh tế tư nhân của tỉnh có sự phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Từ năm 2017 đến nay, đã có trên 10.500 doanh nghiệp thành lập mới; lũy kế từ trước đến nay, có trên 16.000 DN đã đăng ký, với tổng vốn đăng ký là 178.818 tỷ đồng, đứng đầu vùng Trung du miền núi phía Bắc và đứng thứ 14 toàn quốc về số lượng doanh nghiệp thành lập, tốc độ phát triển doanh nghiệp bình quân giai đoạn 2017-2023 đạt 5,8%/năm. Dự báo từ nay đến năm 2030, chỉ tiêu số lượng doanh nghiệp sẽ đạt và vượt so với mục tiêu đề ra tại Kế hoạch số 36-KH/TU ngày 02/8/2017 của Tỉnh ủy<sup>4</sup>.

Đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Giang ngày càng quan trọng. Năm 2023, giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp toàn tỉnh đạt 52,4 tỷ USD, gấp 4,4 lần so với năm 2017, trong đó giá trị xuất khẩu đạt 27,4 tỷ USD; thu ngân sách của các doanh nghiệp đạt 4.900 tỷ đồng, chiếm 28% tổng thu ngân sách tỉnh, gấp 3,3 lần so với năm 2017. Giá trị sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp đạt 541.169 tỷ đồng, gấp 4,2 lần so với năm 2017 (Khu vực DN FDI vẫn là khu vực đóng góp chính vào phát triển công nghiệp của tỉnh; GTSX khu vực này đạt hơn 439.178 tỷ đồng, chiếm 81% GTSX công nghiệp toàn tỉnh; GTSX khu vực DN ngoài nhà nước đạt 90.949 tỷ đồng, chiếm 17%; khu vực DN nhà nước đạt 11.042 tỷ đồng chiếm 2%; các doanh nghiệp trên địa bàn đã giải quyết việc làm cho trên 306.000 lao động, gấp trên 1,7 lần so với năm 2017, chiếm trên 30% lực lượng lao động tham gia của nền kinh tế.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt được nhiều kết quả tích cực, là một trong các địa phương luôn nằm trong top đầu cả nước về lượng vốn FDI cấp mới và bổ sung. Giai đoạn từ 2017 đến nay, đã cấp mới cho 423 dự án FDI, vốn đăng ký đạt 5,1 tỷ USD; điều chỉnh bổ sung cho 362 dự án, với số vốn bổ sung đạt 4,4 tỷ USD.

Nhờ những đóng góp quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân nên tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Giang luôn duy trì ở mức khá cao trong những năm gần đây. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của tỉnh giai đoạn 2017-2023 đạt 14,3%/năm; quy mô GRDP năm 2023 gấp 2,4 lần năm 2017, vươn lên đứng thứ 12/63 tỉnh, thành phố, quý I năm 2024 đạt 14,18%, đứng đầu cả nước.

### ***1.2. Kết quả nổi bật trong thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW***

Tỉnh đã ban hành hệ thống các văn bản khá toàn diện trên các lĩnh vực, từ đó nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Hệ thống các văn bản đã ban hành bảo đảm đồng bộ theo quy định, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, các quy định pháp luật của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; đồng thời, bảo đảm sự đồng bộ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

<sup>4</sup> Theo Kế hoạch đề ra, đến năm 2020 có ít nhất 11.000 DN, đến năm 2025 có trên 19.000 DN, đến năm 2030 có ít nhất 30.000 DN.

Các cơ chế, chính sách, quy định được ban hành khá toàn diện trên các lĩnh vực như: quản lý giá, quản lý đất đai, khoáng sản, quản lý đầu tư, xây dựng, môi trường, tổ chức bộ máy, bảo đảm an sinh xã hội, phát triển doanh nghiệp, HTX, nông nghiệp, nông thôn...<sup>5</sup>. Đặc biệt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã ban hành Nghị quyết số 105-NQ/TU ngày 28/4/2021 về tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình điều hành, tỉnh đã tập trung chỉ đạo công khai minh bạch trong giải quyết các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các sở, ngành và địa phương. Công tác cải cách hành chính (CCHC) luôn được tỉnh quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với phương châm hành động “kỷ cương, liêm chính, hành động, phục vụ”; Tỉnh Bắc Giang đã tổ chức rất nhiều cuộc đối thoại với doanh nghiệp, chương trình “Cà phê doanh nhân”,... nhằm kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp và người dân. Qua đó, môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Bắc Giang đã có sự cải thiện mạnh mẽ, xếp hạng chỉ số PCI có sự thay đổi vượt bậc, năm 2021, xếp thứ 31/63 tỉnh, thành phố; năm 2022, Bắc Giang vươn lên vị trí thứ 02/63 tỉnh, thành phố, nằm trong nhóm các tỉnh/thành có chất lượng điều hành kinh tế tốt trong cả nước.

Bên cạnh đó, xác định đất đai là nguồn lực quan trọng cho phát triển, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang luôn tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để bảo đảm quản lý, khai thác, sử dụng đất đai tiết kiệm, có hiệu quả phục vụ các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh. Đã chỉ đạo triển khai quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất; chỉ đạo xây dựng phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến năm 2030 để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, xây dựng kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025; xây dựng và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất các huyện, thành phố đến năm 2030.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã ban hành Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 về việc tăng cường kiểm tra, thanh tra để xử lý các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai; Kết luận số 120-KL/TU ngày 08/8/2021 về việc tập trung đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 về tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai; Chương trình hành động số 44-CTr/TU ngày 30/12/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao. UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành các kế hoạch để triển khai thực hiện, trong đó xác định rõ các mục tiêu cần đạt được, nhiệm vụ cụ thể của các cấp, các ngành cũng như biện pháp xử lý các vi phạm theo quy định.

Ngoài ra, để cụ thể hóa các quy định của Trung ương, đồng thời tạo sự công khai, minh bạch trong công tác lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án, Tỉnh Bắc Giang đã ban hành các quy định về đầu tư như: Quy định một số nội dung về quản lý và thực hiện dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn mới

<sup>5</sup> HĐND tỉnh Bắc Giang đã ban hành 22 Nghị quyết, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành 47 quyết định.



không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh; Quy định một số nội dung về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thương mại, dịch vụ, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về xã hội hóa có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; Quy định một số nội dung về đấu tư bên ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Quy định một số nội dung về đấu giá quyền sử dụng đất để lựa chọn nhà đầu tư khi Nhà nước cho thuê đất thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; Quy định một số nội dung về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh... Công tác thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đấu thầu năm 2013 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Nhìn chung, các cơ chế, chính sách được tỉnh Bắc Giang ban hành đã cụ thể hóa các quy định của Trung ương, tạo sự đồng bộ, nhất quán trong triển khai thực thi nhiệm vụ của các cấp, các ngành; tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; tạo sự công khai, minh bạch trong công tác tiếp cận các nguồn lực của Nhà nước.

### ***1.3. Kết quả trong thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW***

Các doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước do tỉnh Bắc Giang quản lý có số lượng ít, quy mô nhỏ<sup>6</sup>. Thực hiện chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ, giai đoạn từ tháng 6/2017 đến tháng 6/2023, tỉnh Bắc Giang đã tích cực thực hiện sắp xếp, tái cơ cấu, cổ phần hóa, nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc tỉnh quản lý. Với mục tiêu thoái toàn bộ vốn tại 08 doanh nghiệp có vốn góp Nhà nước<sup>7</sup>; thoái một phần vốn Nhà nước tại 03 doanh nghiệp<sup>8</sup> đảm bảo tỷ lệ Nhà nước nắm giữ 50% đến 65% theo danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017. Hiện nay, đã hoàn thành thoái vốn đối với 02 doanh nghiệp<sup>9</sup> đảm tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ 50% đến 65%; thoái toàn bộ vốn hoàn thành được 3/8 đơn vị<sup>10</sup>; sắp xếp chuyển đổi hoàn thành 3/5 đơn vị.

Trong quá trình thực hiện chuyển đổi và thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, tỉnh Bắc Giang đã chỉ đạo thực hiện tuân thủ pháp luật, tôn trọng cơ chế thị trường, thực hiện lộ trình chuyển đổi, thoái vốn Nhà nước đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Bảo đảm công khai, minh bạch trong cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước trong chuyển đổi và thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Áp dụng các phương pháp định giá tài sản phù hợp với cơ chế thị trường;

<sup>6</sup> Tổng số doanh nghiệp Nhà nước do tỉnh quản lý là 19 doanh nghiệp, chiếm 0,18% số doanh nghiệp có trạng thái pháp lý đang hoạt động của tỉnh;

<sup>7</sup> Công ty CP Quản lý và Xây dựng Đường bộ; Công ty CP Hồng Thái; Công ty CP Sách giáo khoa và thiết bị Trường học; Công ty CP Dược phẩm; Công ty CP Xây dựng Giao thông; Công ty CP Thuốc lá và Thực phẩm; Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Hiệp Hòa; Công ty CP Xuất nhập khẩu.

<sup>8</sup> Công ty CP Quản lý Công trình đô thị còn 65% vốn nhà nước; Công ty CP Giống chăn nuôi còn 52,13% (thoái 41,59%); Công ty CP Nước sạch Bắc Giang 51% (thoái 34,86%).

<sup>9</sup> Công ty CP Quản lý Công trình đô thị còn 65% vốn nhà nước; Công ty CP Nước sạch Bắc Giang 51% (thoái 34,86%).

<sup>10</sup> Công ty CP sách giáo khoa và thiết bị trường học (thoái một phần); CTCP xây dựng giao thông; Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Hiệp Hòa.

bảo đảm vốn, tài sản của Nhà nước và giá trị doanh nghiệp được định giá đầy đủ, hợp lý, công khai, minh bạch. Hoàn thiện thể chế về định giá đất đai, tài sản hữu hình và tài sản vô hình (tài sản trí tuệ, thương hiệu,...) trong chuyển đổi, thoái vốn Nhà nước theo cơ chế thị trường. Quy định rõ trách nhiệm của tổ chức tư vấn định giá độc lập trong định giá tài sản, vốn và xác định giá trị doanh nghiệp.

Trên cơ sở giá trị vốn, tài sản của Nhà nước và giá trị doanh nghiệp đã được xác định đầy đủ, hợp lý và theo quy định của pháp luật, khẩn trương bán cổ phần, thoái vốn một cách công khai, minh bạch, chủ yếu thông qua bán đấu giá cạnh tranh trên thị trường.

Giải quyết tốt việc sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ; đào tạo, chuyển đổi nghề và xử lý lao động dôi dư. Bảo đảm đầy đủ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của người lao động, đặc biệt là lao động dôi dư để ổn định cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội cho người lao động. Phát huy vai trò và trách nhiệm của người lao động trong việc tham gia quản lý, giám sát doanh nghiệp, đồng thời có cơ chế phù hợp bảo vệ quyền lợi của người lao động.

## **2. Một số cách làm hay, sáng tạo**

- Tỉnh Bắc Giang đã sáng tạo trong cách thức thực hiện mô hình “Chính quyền thân thiện” và một số mô hình CCHC sáng tạo như: “Ngày thứ Sáu không hẹn”, “Ngày Chủ Nhật vì dân”.

- Công tác xây dựng quy hoạch được tỉnh Bắc Giang xác định phải đi trước một bước để thu hút nguồn lực đầu tư. Bắc Giang triển khai đa dạng kênh tiếp nhận thông tin, tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước. Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sáng tạo; áp dụng nhiều sáng kiến, mô hình hay trong CCHC; triển khai cuộc thi tìm hiểu và sáng kiến cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tỉnh triển khai một số cách làm mới trong hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp với phương châm “mọi khó khăn, vướng mắc đều phải có hướng tháo gỡ và phải được tháo gỡ kịp thời”.

- Tỉnh tập trung cải cách thủ tục hành chính; đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; cải cách chế độ công vụ; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu. Ngày 02/6/2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã ban hành Chỉ thị số 26-CT/TU về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, trong đó phát huy cao nhất vai trò, trách nhiệm, tích cực, chủ động của cán bộ, công chức với phương châm “3 dám, 3 hơn, 5 rõ”. Đặc biệt, tỉnh triển khai đồng bộ mô hình “Chính quyền thân thiện” tại 209/209 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và được nhân dân ghi nhận.

**Tóm lại,** Kết quả đạt được sau hơn 6 năm triển khai thực hiện các Nghị quyết số 10; 11; 12 NQ/TW ở địa phương tỉnh Bắc Giang cho thấy nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên, người quản lý và người lao động trong doanh nghiệp nhà nước và nhân dân về phát triển kinh tế tư nhân, về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước được nâng lên và có bước chuyển biến tích cực.

Khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã có bước phát triển mới cả về số lượng, chất lượng và đóng góp ngày càng quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ hơn, gắn kết với thị trường khu vực và thế giới. Hầu hết các loại giá hàng hóa, dịch vụ được xác lập theo cơ chế thị trường. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện và thông thoáng hơn; quyền tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được bảo đảm hơn.

Kinh tế của tỉnh Bắc Giang ngày càng hội nhập sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, từng bước thích ứng với nguyên tắc và chuẩn mực của thị trường toàn cầu. Việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh được cải thiện rõ rệt, được cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân ghi nhận, đánh giá cao; tinh thần khởi nghiệp và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đang dần trở thành phong trào rộng khắp, nhất là giới trẻ, doanh nghiệp, doanh nhân đang ngày càng được xã hội coi trọng và tôn vinh...

Công tác quản lý Nhà nước, cải cách TTHC đối với khu vực kinh tế tư nhân được tăng cường và chuyển biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công được cải thiện và ngày một nâng lên, từ những kết quả đó tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển bình đẳng, đúng quy định của pháp luật; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, công khai minh bạch.

Các doanh nghiệp Nhà nước sau khi cơ cấu, đổi mới đã từng bước hoạt động ổn định và phát huy hiệu quả.

### **3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

#### **3.1. Đối với Nghị quyết số 10-NQ/TW**

*- Tồn tại, hạn chế:*

Sự quan tâm của một số ngành, địa phương đối thực hiện các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân có lúc, có nơi còn chưa linh hoạt, sáng tạo nên hiệu quả chưa cao.

Năng lực chỉ đạo, điều hành và tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức chưa cao. Trình độ đội ngũ cán bộ lãnh đạo, công chức, doanh nhân nhiều chỗ, nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, chưa theo kịp yêu cầu hội nhập; nhất là tư duy về kinh tế, trình độ ngoại ngữ, pháp luật...

Trong CCHC, các chỉ số (Par-index, PAPI, PCI) đã được cải thiện nhưng thứ hạng không ổn định. Môi trường đầu tư tuy đã được cải thiện thông thoáng, hấp dẫn hơn, tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả thu hút đầu tư chưa thực sự cao, chưa thu hút được nhiều dự án có quy mô lớn, sử dụng tiết kiệm đất, bảo vệ môi trường.

Mặc dù số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới có tăng mạnh trong những năm gần đây, tuy nhiên tỷ lệ doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, giải thể, không tìm thấy địa chỉ, không kê khai thuế chiếm tỷ lệ cao. Số lượng hoạt động chỉ đạt 56% so với số đăng ký; tính liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước



và doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa chặt chẽ. Đóng góp của các doanh nghiệp vào ngân sách tỉnh còn thấp, chưa tương xứng với số lượng dự án và quy mô vốn thu hút.

*- Nguyên nhân:*

Các quy định, chính sách liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Kinh doanh bất động sản... có hiệu lực thi hành nhưng các văn bản hướng dẫn có nhiều nội dung còn chông chéo, chưa rõ ràng. Một số quy định của pháp luật chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ.

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tình hình thời tiết, dịch bệnh diễn biến bất thường cùng với đó là tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, khó lường đã gây nhiều khó khăn cho hoạt động của kinh tế tư nhân; hầu hết các doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất, thị trường, đơn hàng bị giảm; cùng với đó lĩnh vực thương mại dịch vụ và du lịch, lĩnh vực vận tải, nông nghiệp còn gặp khó khăn do giá các loại vật tư, nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất tăng cao.

Vai trò hỗ trợ doanh nghiệp của các sở, ban, ngành và các hiệp hội chưa được quan tâm đúng mức; công tác lãnh đạo, chỉ đạo về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế tư nhân chưa đáp ứng được yêu cầu.

Công tác quản lý Nhà nước đối khu vực kinh tế tư nhân vẫn còn bất cập, hạn chế. Một số địa phương chưa chủ động, tích cực hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc đề xuất điều chỉnh các quy hoạch có liên quan, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư sớm hoàn thiện thủ tục đầu tư; chưa chủ động trong công tác thanh tra, kiểm tra đối với các lĩnh vực có liên quan, còn trông chờ vào các cơ quan nhà nước cấp trên dẫn tới nhiều trường hợp vi phạm nhưng chậm được phát hiện và xử lý.

Năng lực tài chính của lĩnh vực kinh tế tư nhân còn hạn chế, nguồn vốn khi triển khai thực hiện dự án chủ yếu dựa vào vốn vay ngân hàng nên tiến độ triển khai nhiều dự án chậm. Phần lớn các dự án quy mô đầu tư nhỏ và chủ yếu là do các hộ kinh doanh hoặc các doanh nghiệp mới thành lập làm chủ đầu tư. Bên cạnh đó, các dự án sản xuất chủ yếu là gia công, lắp ráp, giá trị gia tăng thấp nên mức độ đóng góp cho ngân sách thấp.

Trình độ nhận thức, hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật ở một số doanh nghiệp chưa nghiêm, vẫn còn tình trạng vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan như Luật doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự, ... Kiến thức hội nhập quốc tế của cán bộ quản lý doanh nghiệp còn nhiều hạn chế; nhiều doanh nghiệp kỹ năng tiếp thị, quảng bá sản phẩm hạn chế, khả năng gắn kết, tham gia mở rộng thị trường, tham gia vào chuỗi giá trị.

### **3.2. Đối với Nghị quyết số 11-NQ/TW**

*- Tồn tại, hạn chế:*

Chất lượng một số văn bản đã ban hành chưa cao, còn phải rà soát, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế; một số cơ chế, chính sách ban hành chưa tạo ra nhiều đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả



các nguồn lực phát triển.

Các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh phần lớn là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực cạnh tranh thấp, khả năng chống chịu với những diễn biến bất thường hạn chế. Kinh tế tập thể, HTX chưa phát huy được vai trò; ngành nghề kinh doanh không đa dạng, sản phẩm tạo ra chưa có tính cạnh tranh cao, khó tiêu thụ, sản phẩm sản xuất ra còn mang tính tự phát, chưa được đăng ý nhãn hiệu hàng hoá.

Quản lý Nhà nước một số mặt chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường, hiệu lực, hiệu quả chưa cao.

*- Nguyên nhân:*

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật chưa đồng bộ, thống nhất gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện; một số văn bản quy định khó triển khai trong thực tế. Tình hình kinh tế - chính trị thế giới trong những năm gần đây có những diễn biến bất thường, khó dự đoán nên việc xây dựng các cơ chế, chính sách còn chưa theo kịp những diễn biến bất thường đó.

Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở một bộ phận cán bộ, doanh nghiệp, người dân còn chưa được đầy đủ; năng lực xây dựng và thực thi thể chế còn nhiều bất cập, chưa theo kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Tư duy, tầm nhìn trong lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền tại một số địa phương còn chậm đổi mới để phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Việc cụ thể hóa triển khai thực hiện một số nghị quyết, chỉ thị và cơ chế, chính sách của Trung ương vào thực tế còn thiếu sáng tạo, cụ thể, thiếu tính toàn diện. Công tác chỉ đạo còn chung chung, một số nội dung chỉ đạo còn thiếu quyết liệt; sự phối hợp giữa các cơ quan chưa chặt chẽ, hiệu quả không cao.

### **3.3. Đối với Nghị quyết số 12-NQ/TW**

*- Tồn tại, hạn chế:*

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn góp Nhà nước trong giai đoạn 2017-2023 hiệu quả không cao; một số doanh nghiệp kinh doanh có lãi nhưng số nộp ngân sách ở mức thấp, phần cổ tức được chia trên phần vốn góp của Nhà nước không đáng kể. Vẫn còn có doanh nghiệp hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, ảnh hưởng đến công ăn việc làm và chế độ chính sách cho người lao động; việc bảo toàn, phát triển vốn và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Các công ty lâm nghiệp thực tế hoạt động không hiệu quả, quản lý đất đai yếu kém, khi chuyển thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên gặp nhiều khó khăn, không phát huy được nguồn vốn. Sau khi sắp xếp, chuyển đổi chưa thích nghi với cơ chế hoạt động như các doanh nghiệp tư nhân; quá trình đổi mới, thích nghi với mô hình hoạt động mới còn chậm.

Việc triển khai thực hiện thoái vốn tại một số doanh nghiệp, sắp xếp chuyển đổi các công ty lâm nghiệp còn chậm. Việc quyết toán cổ phần hoá đối với đơn vị sự nghiệp đã chuyển đổi chưa hoàn thành do vướng mắc về chính sách.

- Nguyên nhân:

Hiện nay, không có văn bản quy định cụ thể, rõ ràng về trình tự, thủ tục các bước thực hiện thoái vốn Nhà nước. Một số doanh nghiệp có vướng mắc về đất đai, tài chính từ khi cổ phần hóa đến nay nhưng chưa có đầy đủ hướng dẫn để xử lý triệt để.

Các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có quy mô nhỏ, năng lực tài chính hạn chế, tính cạnh tranh thấp, khó thu hút được các đối tác, nhà đầu tư quan tâm tham gia góp vốn, mua cổ phần dẫn đến việc chuyển đổi, thoái vốn nhà nước khó thực hiện và thời gian kéo dài.

Theo Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị quy định “đảm bảo quyền chi phối của Nhà nước đối với công ty nông, lâm nghiệp quản lý diện tích lớn, từ 500ha trở lên đối với công ty nông nghiệp và từ 1000ha trở lên đối với công ty lâm nghiệp). Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Lục Nam và Mai Sơn đều quản lý diện tích lớn hơn 1000 ha; do vậy, việc tìm đối tác góp vốn gặp khó khăn.

Một số cán bộ quản lý doanh nghiệp Nhà nước còn thiếu năng động, chậm đổi mới, chưa đáp ứng được với yêu cầu về quản trị doanh nghiệp trong tình hình mới, đặc biệt là xu thế bình đẳng các thành phần kinh tế tiến tới hội nhập quốc tế, dẫn tới ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

#### **IV. Kiến nghị, đề xuất của tỉnh Bắc Giang**

**1. Đề nghị Quốc hội:** Xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo hướng phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN, khu chế xuất cho UBND cấp tỉnh (do trong Quy hoạch tỉnh được phê duyệt đã được các Bộ, ngành Trung ương cho ý kiến và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

#### **2. Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

(1) Hiện nay, tỉnh Bắc Giang đang thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để điều chỉnh, bổ sung các nội dung có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; đồng thời, bổ sung Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48 KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 12/7/2023 của Chính phủ về việc ban hành Kế



hoạch thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025. Đến nay, đã hoàn thành bước xin ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương (dự kiến sẽ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 4/2024). Do vậy, đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm phê duyệt để tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong năm 2024.

(2) Sớm sửa đổi, bổ sung khoản Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/5/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội theo hướng rút gọn điều kiện đối với đối tượng công nhân thuê nhà ở xã hội để phù hợp với tình hình thực tế.

### **3. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương**

(1) Đề nghị Bộ Xây dựng hướng dẫn lập dự toán kinh phí và sử dụng kinh phí thu được từ dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản được quy định tại Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29/6/2022 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

(2) Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn kịp thời, cụ thể những khó khăn, vướng mắc về tài chính để tạo thuận lợi cho địa phương tổ chức thực hiện thoái vốn, chuyển đổi đơn vị sự nghiệp sang công ty cổ phần và quá trình hoạt động của các doanh nghiệp. Nghiên cứu, tham mưu với Chính phủ về cơ chế đặc thù đối với việc chuyển nhượng vốn của các công ty cổ phần có tỷ lệ vốn nhà nước thấp hoặc đã có cổ đông chiếm quyền chi phối, hoạt động kinh doanh kém hiệu quả không hấp dẫn các nhà đầu tư.

(3) Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm ban hành bộ tiêu chí đánh giá về tăng trưởng xanh để các địa phương thực hiện đánh giá các mục tiêu về tăng trưởng xanh theo Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ.

(4) Đề nghị liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính sớm có hướng dẫn về đầu tư công xanh và mua sắm công xanh để các địa phương thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, đáp ứng yêu cầu về lộ trình thực hiện tăng trưởng xanh.

(5) Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý về các khoản vay nợ cũ của các công ty nông, lâm nghiệp; đề xuất bổ sung, sửa đổi cơ chế xử lý các khoản nợ cũ kể cả nợ gốc, nợ lãi của các công ty lâm nghiệp theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo khái quát kết quả nổi bật đạt được; một số kiến nghị, đề xuất tỉnh Bắc Giang trong tổ chức thực hiện 03 Nghị quyết về kinh tế của Hội nghị Trung ương 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; tỉnh Bắc Giang trân trọng báo cáo Đoàn công tác của Ban Kinh tế Trung ương./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Kinh tế Trung ương (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đại biểu dự họp;
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, KTN, KGVX, KTTH, NC, TTTT;
- + Lưu: VT, TPKTTH.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Ánh Dương**